

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *139* /KH-UBND

Hà Giang, ngày *20* tháng *5* năm 2022

### **KẾ HOẠCH**

#### **Thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/11/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 27/4/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025, như sau:

#### **Phần thứ nhất**

#### **THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

##### **1. Kết quả rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025**

- Tổng số hộ tiến hành rà soát: 187.983 hộ.
- Số hộ nghèo đầu năm 2022: 79.102 hộ, chiếm **42,08%** tổng số hộ toàn tỉnh.



- Số hộ cận nghèo: 24.514 hộ, chiếm **13,04%** tổng số hộ toàn tỉnh.
- Số hộ không nghèo: 84.367 hộ, chiếm 44,88% tổng số hộ toàn tỉnh.

## **2. Mức độ thiếu hụt các nhu cầu xã hội cơ bản của hộ nghèo, cận nghèo**

### *- Tiêu chí 1: Việc làm*

+ Chỉ số 1.1. Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm; hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động: 20.689 hộ nghèo, chiếm 26,15% tổng số hộ nghèo; 5.082 hộ cận nghèo, chiếm 20,73% tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 1.2. Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%: 20.734 hộ nghèo, chiếm 26,21% tổng số hộ nghèo; 3.007 hộ cận nghèo, chiếm 12,27% tổng số hộ cận nghèo.

### *- Tiêu chí 2: Y tế*

+ Chỉ số 2.1. Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi: 14.123 hộ nghèo, chiếm 17,85% tổng số hộ nghèo; 1.740 hộ cận nghèo, chiếm 7,10% tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 2.2. Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 06 tuổi trở lên không có thẻ bảo hiểm y tế: 39.964 hộ nghèo, chiếm 50,52% tổng số hộ nghèo<sup>1</sup>; 3.174 hộ cận nghèo, chiếm 12,95% tổng số hộ cận nghèo.

### *- Tiêu chí 3: Giáo dục*

+ Chỉ số 3.1. Hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng: 28.412 hộ nghèo, chiếm 35,92% tổng số hộ nghèo; 4.847 hộ cận nghèo, chiếm 19,77% tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 3.2. Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em từ 3 đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi: 3.262 hộ nghèo, chiếm 4,12% tổng số hộ nghèo; 439 hộ cận nghèo, chiếm 1,79% tổng số hộ cận nghèo.

### *- Tiêu chí 4: Nhà ở*

+ Chỉ số 4.1. Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc: 25.335 hộ nghèo, chiếm 32,03% tổng số hộ nghèo; 3.469 hộ cận nghèo, chiếm 14,15% tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 4.2. Diện tích nhà ở bình quân dưới 8m<sup>2</sup>/người: 10.202 hộ nghèo, chiếm 12,90% tổng số hộ nghèo; 998 hộ cận nghèo, chiếm 4,07% tổng số hộ cận nghèo.

### *- Tiêu chí 5: Nước sinh hoạt và vệ sinh*

<sup>1</sup> Trung ương quy định những hộ có thành viên sử dụng thẻ Bảo hiểm y tế thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì coi như không có Bảo hiểm y tế và tính là hộ thiếu hụt về chỉ số "Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 06 tuổi trở lên không có thẻ bảo hiểm y tế"



+ Chỉ số 5.1. Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt: 16.481 hộ nghèo, chiếm 20,84% tổng số hộ nghèo; 2.424 hộ cận nghèo, chiếm 9,89% tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 5.2. Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 51.724 hộ nghèo, chiếm 65,39% tổng số hộ nghèo; 6.915 hộ cận nghèo, chiếm 28,21% tổng số hộ cận nghèo.

- *Tiêu chí 6: Tiếp cận thông tin*

+ Chỉ số 6.1. Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng internet: 36.919 hộ nghèo, chiếm 46,67% tổng số hộ nghèo; 4.174 hộ cận nghèo, chiếm 17,03% tổng số hộ cận nghèo.

+ Chỉ số 6.2. Hộ gia đình không có Ti vi, dàn nghe nhạc, máy vi tính/máy tính, máy tính bảng, điện thoại (*cố định/di động*): 20.286 hộ nghèo, chiếm 25,65% tổng số hộ nghèo; 2.058 hộ cận nghèo, chiếm 8,40% tổng số hộ cận nghèo.

### **3. Nguyên nhân nghèo, cận nghèo**

- Không có đất sản xuất: 8.998 hộ nghèo, chiếm 11,38% tổng số hộ nghèo; 2.557 hộ cận nghèo, chiếm 10,43% tổng số hộ cận nghèo.

- Không có vốn sản xuất, kinh doanh: 41.891 hộ nghèo, chiếm 52,96% tổng số hộ nghèo; 13.263 hộ cận nghèo, chiếm 54,10% tổng số hộ cận nghèo.

- Không có lao động: 6.060 hộ nghèo, chiếm 7,66% tổng số hộ nghèo; 1.383 hộ cận nghèo, chiếm 5,64% tổng số hộ cận nghèo.

- Không có công cụ/phương tiện sản xuất: 19.279 hộ nghèo, chiếm 24,37% tổng số hộ nghèo; 5.181 hộ cận nghèo, chiếm 21,13% tổng số hộ cận nghèo.

- Không có kiến thức về sản xuất: 16.576 hộ nghèo, chiếm 20,96% tổng số hộ nghèo; 4.064 hộ cận nghèo, chiếm 16,58% tổng số hộ cận nghèo.

- Không có kỹ năng lao động, sản xuất: 28.957 hộ nghèo, chiếm 36,61% tổng số hộ nghèo; 7.124 hộ cận nghèo, chiếm 29,06% tổng số hộ cận nghèo.

- Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn: 3.661 hộ nghèo, chiếm 4,56% tổng số hộ nghèo; 1.536 hộ cận nghèo, chiếm 6,27% tổng số hộ cận nghèo.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2025**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.



## 2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm trên 4%/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn giảm trên 6%/năm.
- Có 2 huyện nghèo và 29 xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn<sup>2</sup>.
- Phân đầu thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng 2 lần so với năm 2020 (*năm 2020 thu nhập bình quân đầu người hộ nghèo 9,5 triệu đồng/năm*).

## 3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

### a) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch

- Phân đầu giảm 1/3 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia.
- 100% các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.
- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng từ 300 đến 500 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.
- Phân đầu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.
- Phân đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.
- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

### b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cùng với hệ thống chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

<sup>2</sup> Dự kiến 2 huyện Bắc Mê và Quản Bạ; 29/35 xã phân đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2022-2025



+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ Tối thiểu 4.400 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

+ Tối thiểu 500 người lao động thuộc các huyện nghèo được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có khoảng 250 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo). Hỗ trợ khoảng 150 người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn dưới 30%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 90%.

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 20%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Phần đầu trên 12.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn 7 huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

## II. NHIỆM VỤ

### 1. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022, bao gồm:



- Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo  
+ *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội 07 huyện nghèo.*

+ *Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (dự kiến 2 huyện Quản Bạ và Bắc Mê).*

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo.

- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển SX, cải thiện dinh dưỡng (gồm 2 tiểu Dự án):

+ *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.*

+ *Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.*

- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (gồm 3 tiểu Dự án):

+ *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.*

+ *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.*

+ *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững.*

- Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo.

- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (gồm 2 tiểu Dự án):

+ *Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin.*

+ *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.*

- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (gồm 2 tiểu Dự án):

+ *Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình.*

+ *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá.*

*(đối tượng, nội dung, đơn vị thực hiện được nêu cụ thể tại phụ lục 01 kèm theo)*

## **2. Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo**

Tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo từ các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Phát triển các tổ, hợp tác xã cung cấp dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, tổ nhóm hợp tác, nhóm sở thích... hỗ trợ hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất bền vững, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương như: Chăn nuôi đại gia súc, sản xuất và chế biến chè, cây ăn quả, dược liệu...

Xây dựng và triển khai các dự án hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ giống cây, con chất lượng cao; giúp người dân, nhất là người nghèo, người mới thoát nghèo cải thiện năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao thu nhập. Hình thành và nhân rộng các mô hình sản xuất chuyên canh, liên kết sản xuất, chế biến, chuyên giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao theo quy mô nhóm hộ, tổ đội, hợp tác xã gắn với doanh nghiệp và thị trường



tiêu thụ. Hỗ trợ doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; khuyến khích, tạo điều kiện và hỗ trợ phát triển các mô hình phát triển sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh cho người nghèo và thanh niên dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao kiến thức, kỹ năng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ, năng lực sản xuất cho đồng bào các dân tộc thiểu số, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập. Phát triển các mô hình sản xuất kinh tế gắn với quốc phòng, bộ đội gắn với dân bản tại các xã biên giới.

Tập trung thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững theo hướng chú trọng các sản phẩm đặc hữu gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (*Chè, cam, bò, mật ong,...*), vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhất là một số cây trồng có giá trị cao trong xuất khẩu phù hợp với thổ nhưỡng. Tập trung nguồn lực tài chính, nhân lực, khoa học công nghệ vào phát triển 5 cây (*cây ăn quả ôn đới, Chè shan tuyết, dược liệu, lúa đặc sản chất lượng cao, tam giác mạch*) và 3 con (*bò vàng, lợn đen, mật ong bạc hà*).

Tập trung xây dựng và phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh với những sản phẩm du lịch mang tính đặc hữu, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc, bảo tồn và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, danh thắng quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì và các di sản văn hoá cấp quốc gia.

Tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo tham gia vay và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nhất là vốn vay tín dụng ưu đãi, gắn với hướng dẫn phương thức sản xuất, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu và miền núi giai đoạn 2021-2025; Đề án cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ, tạo sinh kế cho người dân, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh; các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh...

**3. Bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số**

a) Việc làm

Đổi mới và tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm theo hướng tiếp cận đến người dân và người lao động; kết nối và trợ giúp lao động nghèo tìm kiếm việc làm ổn định thông qua xuất khẩu lao động và đưa lao động đi làm việc



tại các khu cụm công nghiệp; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người lao động thuộc huyện nghèo, vùng khó khăn.

Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động dịch vụ việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người lao động huyện nghèo, vùng khó khăn.

Mở rộng thị trường gắn với kết nối cung - cầu lao động. Đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai và thực hiện đầy đủ các chính sách về hỗ trợ giải quyết việc làm của Trung ương, của tỉnh đã ban hành giúp người lao động có thêm cơ hội phát triển sản xuất để giải quyết việc làm, nhất là chính sách từ vốn vay Quỹ quốc gia việc làm và các nguồn ủy thác; chính sách về hỗ trợ người lao động tỉnh Hà Giang đi làm việc ở nước ngoài và làm việc ngoài tỉnh theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các ngành nghề, phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo việc làm; chú trọng các ngành công nghiệp có lợi thế, công nghiệp chế biến, các ngành dịch vụ, làng nghề truyền thống tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Nhất là phát triển du lịch gắn với bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc, nông nghiệp đặc thù, các làng nghề thủ công truyền thống. Thực hiện có hiệu quả chính sách của tỉnh hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu lao động, phát triển các làng nghề truyền thống, các hợp tác xã...

Kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh nông lâm nghiệp, dược liệu, du lịch, dịch vụ có khả năng tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn các huyện nghèo, để giúp các huyện nghèo chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn và tạo việc làm cho người lao động. Lồng ghép các chương trình, kế hoạch, dự án... đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gắn với giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động.

#### b) Y tế

Thực hiện hiệu quả các Chương trình về y tế, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tiếp tục đầu tư các công trình và trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; Nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ y tế tuyến huyện, xã để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, chất lượng dịch vụ y tế tuyến huyện, xã góp phần giảm quá tải tại các bệnh viện.

Đẩy nhanh tiến độ phát triển và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế, củng cố và mở rộng bảo hiểm y tế theo hướng đa dạng hóa các loại hình bảo hiểm y tế, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Phát triển mạnh bảo hiểm y tế cộng đồng dựa vào sự đóng góp của người dân tham gia bảo hiểm, có sự trợ giúp của Nhà nước và các nguồn tài trợ khác. Tiếp tục thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) và Nghị quyết số



49/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh. Sử dụng có hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo.

Thực hiện hiệu quả Tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Dự án Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em từ Chương trình MTQG phát phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và trẻ em huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn; nâng cao sức khỏe, tầm vóc thanh, thiếu niên dân tộc thiểu số thông qua hoạt động thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ; cung cấp viên đa vi chất cho phụ nữ có thai; chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh; hỗ trợ bữa ăn dinh dưỡng cho trẻ em học bán trú/nội trú...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách Hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ. Thực hiện tốt chính sách trợ cấp hàng tháng cho trẻ em nghèo, cận nghèo dưới 3 tuổi theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh để cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em nghèo, cận nghèo.

### c) Giáo dục, đào tạo

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; quan tâm ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi và thực hiện các chính sách phát triển mầm non.

Duy trì các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên theo quy định; Củng cố và phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường Phổ thông dân tộc bán trú; Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để tích cực vận động học sinh tới trường nhằm đảm bảo duy trì sĩ số và nâng cao tỷ lệ huy động học sinh các ngành học, cấp học. Duy trì các lớp xóa mù chữ, khuyến khích xây dựng và mở rộng "Quỹ khuyến học", phát huy hiệu quả hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng.

Đẩy mạnh việc đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn lao động, trong đó chú trọng đến nâng cao chất lượng lao động ở huyện nghèo, vùng khó khăn cả về quy mô và chất lượng đào tạo; hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững, tạo sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng đói nghèo, tái nghèo, góp phần giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững.

Tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng và thực hiện tốt chính sách tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng học sinh THCS và THPT; Tuyên truyền vận động người dân trong độ tuổi tham gia học nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số, huyện nghèo, xã nghèo, xã biên giới, xã, thôn đặc biệt



khó khăn; đẩy mạnh đổi mới chương trình, chuyên đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu, yêu cầu của thị trường lao động; phù hợp với trình độ học vấn, khả năng tiếp cận của người nghèo; đào tạo theo địa chỉ sử dụng của doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), cơ sở sản xuất kinh doanh để tạo việc làm. Tăng cường thu hút, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật cho đào tạo nghề.

#### d) Nhà ở

Triển khai Chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các chính sách hỗ trợ của nhà nước từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo khu vực nông thôn giai đoạn 2021-2025.

Tiếp tục vận động nguồn lực hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo từ nguồn xã hội hóa theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 25/7/2019 của Ban chỉ đạo thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở kiên cố cho người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Hà Giang; qua các phong trào "Ngày vì người nghèo", "Quỹ mái ấm công đoàn"... huy động các nguồn lực bằng tiền, vật liệu, ngày công từ các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị, nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh, cộng đồng, dòng họ để hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở đảm bảo diện tích tối thiểu và độ bền vững nhà ở đáp ứng theo tiêu chí nông thôn mới.

#### đ) Nước sinh hoạt và vệ sinh

Vận động và hỗ trợ hộ nghèo xây bể nước, nhà tiêu hợp vệ sinh từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán từ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, tu sửa, nâng cấp hệ thống cấp và trữ nước sinh hoạt cho dân cư nông thôn đủ dùng quanh năm và sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia thông qua các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, các chương trình, dự án, đóng góp của nhân dân; đặc biệt là công trình hồ treo tại 4 huyện vùng cao núi đá.

#### e) Tiếp cận thông tin

Triển khai hiệu quả Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, cụ thể:

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, có nhu cầu, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông, dịch vụ truy nhập internet. Hỗ trợ, tạo điều kiện tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đầu tư các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

- Tăng cường cung cấp thông tin về cơ sở, nhất là cung cấp thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi các thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách



nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đầu tư các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

- Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, củng cố và phát triển hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở: Hỗ trợ đầu tư các trạm truyền thanh không dây, tiếp sóng truyền hình và phát thanh tiếng dân tộc phù hợp với tình hình thực tiễn đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương; xây dựng và thực hiện các chuyên mục tuyên truyền về nội dung các chính sách an sinh xã hội và định kỳ phát sóng trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền tại các chợ phiên vùng cao bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh triển khai Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2019-2025"; Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 29/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

### **III. KINH PHÍ**

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được đảm bảo từ nguồn NSNN theo phân cấp quản lý hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định; lồng ghép với nguồn kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện, bao gồm:

- Vốn Trung ương hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác.

- Vốn ngân sách địa phương bố trí cho các chính sách giảm nghèo hiện hành và vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương theo khả năng cân đối cho chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

- Vốn vay ngân hàng chính sách xã hội.



- Vốn huy động cộng đồng.
- Vốn hợp tác quốc tế.

2. Căn cứ vào kế hoạch phân bổ vốn của Trung ương hàng năm và trung hạn, các cơ quan thực hiện tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách cho các ngành, các cấp tổ chức thực hiện.

#### **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Tổ chức triển khai đồng bộ và hiệu quả hệ thống các nguyên tắc, giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022; tập trung vào một số giải pháp cụ thể sau:

##### **1. Về nguyên tắc thực hiện Kế hoạch**

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số hoạt động của Chương trình bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm, điều kiện huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

- Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Nâng cao năng lực về lập kế hoạch, quản lý và triển khai các chính sách, dự án giảm nghèo cho cán bộ cơ sở, nhất là cấp xã và thôn bản. Tăng cường và đề cao vai trò giám sát của HĐND các cấp trong việc sử dụng nguồn lực của chương trình. Có cơ chế kiểm soát thường xuyên, định kỳ ở cấp xã, nhất là xã có đầu tư cơ sở hạ tầng. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện dự án đối với các cơ quan chủ trì các dự án nhằm đảm bảo nguồn vốn đầu tư phải đem lại kết quả tương xứng với mục tiêu giảm nghèo bền vững. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện.

##### **2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực**

- Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ



của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

### **3. Về cơ chế quản lý thực hiện**

#### **a) Ban Chỉ đạo các cấp**

Thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định.

#### **b) Về cơ chế thực hiện**

- Cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyên giao kỹ thuật, quản lý mô hình, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người học nghề thuộc đối tượng của Chương trình.

- Đối với một số dự án đầu tư có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư một phần kinh phí, phần còn lại do nhân dân đóng góp, có sự tham gia giám sát của nhân dân. Đối với các công trình hạ tầng cấp huyện, xã thực hiện cơ chế tạo việc làm công cho người nghèo và người dân trên địa bàn; công trình hạ tầng cấp thôn, bản thực hiện cơ chế giao cho cộng đồng làm chủ đầu tư, thực hiện quản lý, duy tu, bảo dưỡng sau đầu tư.

- Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Về phân bổ nguồn lực: Bảo đảm công khai, minh bạch và tập trung vào các vùng khó khăn, vùng nghèo trọng điểm, ưu tiên theo hình thức cuốn chiếu,



bảo đảm đủ mức đầu tư, hỗ trợ để phát huy nhanh hiệu quả, không dàn trải; Việc phân bổ phải dựa trên hệ thống tiêu chí cụ thể cho từng loại đối tượng và từng chính sách, đề án một cách tối ưu nhất.

- Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, các huyện, thành phố chủ động bố trí ngân sách, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra.

- Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; Mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động giảm nghèo từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả về các hoạt động của Chương trình. Tiếp tục thực hiện phương thức hỗ trợ có điều kiện, hỗ trợ có thu hồi, có vốn đối ứng đóng góp của người hưởng lợi, nhằm bảo toàn nguồn vốn, tăng cơ hội tiếp cận chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo, chống tư tưởng trông chờ ỷ lại, đảm bảo tính bền vững trong giảm nghèo; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

#### **4. Về công tác tuyên truyền**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo bền vững.

- Đổi mới phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau"; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên "thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no" của người dân và cộng đồng, phấn đấu "Vì một Việt Nam không còn đói nghèo".

**5. Về mở rộng hợp tác quốc tế:** Tăng cường vận động các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ để tranh thủ sự trợ giúp về kỹ thuật và nguồn lực để thực hiện thành công mục tiêu của Chương trình.

### **V. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Căn cứ nội dung Kế hoạch, thủ trưởng các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững có hiệu quả, góp phần thiết thực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể:

**1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Là cơ quan thường trực Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành triển khai và thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Chủ trì hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án



1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo; Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 (Dự án 6). Truyền thông về giảm nghèo đa chiều; Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình; tham mưu thành lập tổ giúp việc Chương trình; phối hợp với các ngành giám sát đánh giá chương trình; hướng dẫn và đôn đốc các ngành, các huyện, thành phố thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu nguồn lực trung hạn và hàng năm; tham mưu cân đối ngân sách và phân bổ nguồn vốn (ĐTPT) thực hiện Chương trình; phối hợp các sở, ban, ngành liên quan thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các Chương trình có cùng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng; phối hợp với Sở Lao động - TBXH thực hiện Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo.

**3. Sở Tài chính:** Căn cứ kinh phí sự nghiệp NSTW bổ sung thực hiện nhiệm vụ Chương trình, trên cơ sở đề xuất của Sở Lao động - TBXH, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh phân bổ kinh phí NSTW bổ sung, lồng ghép với nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia khác, nguồn NSDP theo khả năng cân đối để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

**4. Sở Y tế:** Chỉ đạo các đơn vị y tế thực hiện các quy định của Nhà nước về chính sách khám chữa bệnh BHYT, hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ y tế; tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi trong việc tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng, vệ sinh môi trường, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. Chủ trì thực hiện tiểu dự án 2 (Dự án 3): Cải thiện dinh dưỡng.

**5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cấp thiết; phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phối hợp với các sở, ngành, các huyện, thành phố tổ chức thực hiện hoạt động cung cấp nước sạch; chủ trì hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 1 (Dự án 3). Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để nâng cao thu nhập cho người dân.

**6. Sở Xây dựng:** Chỉ đạo hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho người nghèo, người có công; chủ trì thực hiện Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.

**7. Sở Thông tin và Truyền thông:** Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin, truyền thông phổ biến, tuyên truyền, quán triệt các nội dung của Chương trình, Nghị quyết và Kế hoạch; phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng công tác tuyên truyền; phối hợp với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Đài Truyền thanh cơ sở tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội; hỗ trợ người nghèo, người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa tiếp cận thông tin và truyền thông; chủ trì thực hiện Tiểu dự án 1 (Dự án 6) Giảm nghèo về thông tin.



**8. Sở Giáo dục - Đào tạo:** Chủ trì phối hợp tổ chức chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên trong giáo dục đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**9. Sở Tư pháp:** Chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến về pháp luật, thực hiện tư vấn, trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số.

**10. Văn phòng điều phối xây dựng NTM tỉnh:** Lồng ghép Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện đạt tiêu chí thu nhập, tiêu chí hộ nghèo đa chiều góp phần nâng cao thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh.

**11. Ban Dân tộc:** Chủ trì và lồng ghép triển khai Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 với chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; thực hiện chính sách dân tộc đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

**12. Ngân hàng chính sách xã hội:** Thực hiện giải ngân vốn vay theo kế hoạch hàng năm, đặc biệt là vốn vay từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm và vốn vay hộ chính sách để làm nhà ở, công trình nước sạch, vệ sinh.

**13. Sở Khoa học và Công nghệ:** Chủ trì, phối hợp nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt chú trọng việc chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao trong các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa gắn trực tiếp với đồng bào dân tộc.

**14. Sở Công Thương:** Chủ trì, phối hợp thúc đẩy tiêu thụ, xúc tiến thương mại, kết nối, quảng bá các sản phẩm đảm bảo quy cách, bao bì, nhãn mác, chất lượng sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thông qua các hệ thống kênh phân phối (*chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP...*).

**15. Báo Hà Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh:** Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về nội dung về chính sách giảm nghèo và định kỳ đăng tải, phát sóng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:** Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm về các dự án, hoạt động thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, nguồn vốn đối ứng từ ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác, lồng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch; phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở; giao Phòng Lao động - TBXH là cơ quan thường trực Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, làm đầu mối tham mưu cho UBND cấp huyện công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện, định kỳ tổng hợp báo cáo cơ quan thường trực Chương trình để tổng hợp chung.

**17. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:** Triển khai thực hiện phát triển mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.



**18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Giang** và các đoàn thể chính trị xã hội tham gia tuyên truyền, phổ biến, thực hiện, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tích cực tham gia; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Kế hoạch; phối hợp với cấp huyện triển khai thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo để nâng cao thu nhập cho người dân và hội viên.

**19. Các sở, ban, ngành, đơn vị:** Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp tham gia tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ tổng hợp báo cáo cơ quan thường trực Chương trình để tổng hợp chung.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời về Sở Lao động - TBXH để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Lao động - TBXH;
- Văn phòng QG về Giảm nghèo;
- TTr Tỉnh uỷ;
- TTr HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh; các hội đoàn thể tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, lực lượng vũ trang tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVNCTH, VP UBND tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu: VT, VHXH. *gn*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**







## **Phụ lục 01. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

### **1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**

a) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo.

- Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo; hỗ trợ các địa bàn huyện nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Đối tượng: 07 huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Danh sách huyện nghèo giai đoạn 2021-2025;

- Nội dung hỗ trợ: đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn nghèo. Cụ thể:

+ Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

- . Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất;
- . Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;
- . Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;
- . Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- . Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất;
- . Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;

. Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Công trình đầu tư phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản liên xã, giữa xã với huyện hoặc kết nối huyện với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển.

Công trình đầu tư phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

+ Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo.



- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan và UBND 7 huyện nghèo tổ chức thực hiện.

b) Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*dự kiến 2 huyện Quản Bạ và Bắc Mê*).

- Mục tiêu: Hỗ trợ 2 huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng: Các huyện nghèo đăng ký kế hoạch thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ.

- Nội dung hỗ trợ: Đầu tư trọng tâm, trọng điểm một số công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (*công trình đầu tư cấp huyện, liên xã*) nhằm tạo sự đột phá, thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân theo Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan và UBND 2 huyện nghèo tổ chức thực hiện.

## **2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi cả tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện;



- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; tập huấn, chuyên giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

### 3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu: hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*) trên phạm vi cả tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyên giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

+ Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.



+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện;

#### b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Đối tượng:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

+ Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (*trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi*).

- Phân công thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện;

#### **4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Đối tượng:

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

+ Các ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

- Nội dung hỗ trợ:



+ Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

+ Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh.

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo.

- Đối tượng:

+ Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn các huyện nghèo (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030); ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Nội dung hỗ trợ:



+ Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (*bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng*), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động.

+ Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND 07 huyện nghèo tổ chức thực hiện.

### c) Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Đối tượng:

+ Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan.

+ Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.

+ Hỗ trợ giao dịch việc làm.

+ Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

+ Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.

+ Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.



## **5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**

a) Mục tiêu: hỗ trợ nhà ở cho khoảng 12.000 hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn 07 huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (*theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021 - 2025*) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm.

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

c) Nội dung hỗ trợ:

Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> “3 cứng” (*nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng*) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND 07 huyện nghèo tổ chức thực hiện.

## **6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin.

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin



công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

- Đối tượng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Các huyện nghèo, khu vực biên giới.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

+ Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (*bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*), đôn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội.

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

b) Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng:

+ Người nghèo, người dân trên địa bàn tỉnh.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.



+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

+ Phát triển hoạt động về giảm nghèo tại trang thông tin điện tử của Sở Lao động - TBXH tỉnh Hà Giang.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

## **7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

### **a) Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (*cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín*), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.



+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Mục tiêu:

+ Thực hiện quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình theo quy định của Bộ Lao động - TB&XH.

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện quản lý kết quả của Chương trình, gồm: các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; quy trình giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

+ Thực hiện cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.



**Phụ lục 02. KẾ HOẠCH GIẢM HỘ NGHÈO GIAI ĐOẠN 2022 - 2025**

S TT	TÊN HUYỆN, THÀNH PHỐ	Hộ nghèo đến 31/12/2021		Kế hoạch giảm hộ nghèo 2022-2025								Hộ nghèo đến 31/12/2025	
				KH năm 2022		KH năm 2023		KH năm 2024		KH năm 2025			
		Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
	<b>TOÀN TỈNH</b>	<b>79.102</b>	<b>42,08</b>	<b>4.977</b>	<b>3,0</b>	<b>7.660</b>	<b>4,4</b>	<b>7.821</b>	<b>4,4</b>	<b>7.787</b>	<b>4,3</b>	<b>50.857</b>	<b>26,00</b>
1	MÈO VẠC	11.019	64,07	654	4,4	949	6,0	969	6,0	989	6,0	7.458	41,67
2	ĐÔNG VĂN	11.371	67,96	630	4,4	917	6,0	936	6,0	956	6,0	7.933	45,56
3	YÊN MINH	11.438	60,02	733	4,4	1.059	6,0	1.082	6,0	1.104	6,0	7.460	37,62
4	QUẢN BẠ	7.583	60,94	477	4,4	691	6,0	705	6,0	720	6,0	4.990	38,54
5	XÍN MÀN	8.072	55,78	533	4,2	810	6,0	827	6,0	845	6,0	5.057	33,58
6	HOÀNG SU PHÌ	7.395	52,93	519	4,2	786	6,0	803	6,0	819	6,0	4.468	30,73
7	BẮC MÊ	5.507	48,83	230	2,5	638	6,0	651	6,0	664	6,0	3.325	28,33
8	VỊ XUYÊN	8.748	33,56	571	2,5	849	3,5	867	3,5	749	3,0	5.713	21,06
9	BẮC QUANG	5.032	17,25	392	1,5	608	2,2	621	2,2	573	2,0	2.838	9,35
10	QUANG BÌNH	2.870	19,75	236	1,8	344	2,5	351	2,5	359	2,5	1.580	10,45
11	TP. HÀ GIANG	67	0,51	5	0,04	9	0,07	9	0,07	9	0,07	36	0,26







**Phụ lục 03. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2022-2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
A	B	$I=2+3+4+5$	2	3	4	5
	<b>TỔNG CỘNG (1+2+3+4+5+6+7) Ngân sách trung ương</b>	<b>3.845.091</b>	<b>962.547</b>	<b>1.143.497</b>	<b>923.497</b>	<b>815.551</b>
*	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>1.986.892</i>	<i>738.211</i>	<i>549.560</i>	<i>349.560</i>	<i>349.560</i>
*	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>1.858.199</i>	<i>224.336</i>	<i>593.937</i>	<i>573.937</i>	<i>465.991</i>
1	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>	<b>2.065.710</b>	<b>743.172</b>	<b>587.513</b>	<b>367.513</b>	<b>367.513</b>
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo,	1.625.710	523.172	367.513	367.513	367.513
	<i>Vốn đầu tư phát triển 7 huyện nghèo</i>	<i>1.477.916</i>	<i>508.369</i>	<i>323.182</i>	<i>323.182</i>	<i>323.182</i>
	<i>Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng (10% vốn đầu tư)</i>	<i>147.794</i>	<i>14.803</i>	<i>44.330</i>	<i>44.330</i>	<i>44.330</i>
1.2	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	440.000	220.000	220.000	-	-
	<i>Vốn đầu tư 2 huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo (do Bộ Lao động - TBXH chủ trì)</i>	<i>400.000</i>	<i>200.000</i>	<i>200.000</i>		
	<i>Vốn sự nghiệp hỗ trợ 2 huyện thoát nghèo</i>	<i>40.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>		
2	<b>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>	<b>400.957</b>	<b>41.834</b>	<b>119.708</b>	<b>119.708</b>	<b>119.708</b>
3	<b>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>	<b>218.472</b>	<b>29.342</b>	<b>63.044</b>	<b>63.044</b>	<b>63.044</b>
3.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	173.498	18.098	51.800	51.800	51.800
3.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	44.974	11.244	11.244	11.244	11.244
4	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>	<b>325.858</b>	<b>59.290</b>	<b>88.856</b>	<b>88.856</b>	<b>88.856</b>
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	255.412	52.580	67.611	67.611	67.611







	<i>Vốn đầu tư phát triển (đầu tư cơ sở hạ tầng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh)</i>	96.040	28.812	22.409	22.409	22.409
	<i>Vốn sự nghiệp để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn</i>	79.686	11.884	22.601	22.601	22.601
	<i>Vốn sự nghiệp cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề</i>	79.686	11.884	22.601	22.601	22.601
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (tại 7 huyện nghèo)	25.298	2.349	7.650	7.650	7.650
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	45.148	4.361	13.596	13.596	13.596
	<i>Vốn đầu tư phát triển (đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động)</i>	12.936	1.030	3.969	3.969	3.969
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	32.212	3.331	9.627	9.627	9.627
5	<b>Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo</b>	<b>719.640</b>	<b>71.964</b>	<b>251.874</b>	<b>251.874</b>	<b>143.928</b>
6	<b>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>	<b>34.625</b>	<b>5.145</b>	<b>9.827</b>	<b>9.827</b>	<b>9.827</b>
6.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	16.218	3.954	4.088	4.088	4.088
6.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	18.407	1.191	5.739	5.739	5.739
7	<b>Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình</b>	<b>79.829</b>	<b>11.800</b>	<b>22.676</b>	<b>22.676</b>	<b>22.676</b>
7.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	52.147	7.720	14.809	14.809	14.809
7.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	27.682	4.080	7.867	7.867	7.867

\* Ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng tối thiểu là 3% trên tổng số vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện Chương trình sau khi trung ương chính thức phân bổ vốn cho tỉnh Hà Giang và Nghị quyết của HĐND tỉnh Hà Giang ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 – 2025 được ban hành



**Phụ lục 04. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm đối với công tác giảm nghèo</b>				
1	Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền nội dung Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, về tăng cường lãnh đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025	Đề nghị các Ban Đảng Tỉnh ủy; Huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh;	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tài liệu tuyên truyền; hội nghị triển khai	Hằng năm
2	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Kế hoạch tuyên truyền của các Sở, Ban, ngành và UBND các tỉnh, thành phố	Hằng năm
3	Truyền thông, vận động, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Các sản phẩm, tài liệu, sự kiện truyền thông	Hằng năm
4	Chỉ đạo các cơ quan phát thanh truyền hình, báo chí, xuất bản tích cực tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố	Văn bản chỉ đạo; các chương trình truyền thông, phóng sự, sản phẩm truyền thông	Hằng năm



5	Đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau", phấn đấu "Vì một Việt Nam không còn đói nghèo"	Ban Thi đua Khen thưởng Tỉnh	Sở Lao động - TB&XH, các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố. Đề nghị UBMT Tổ quốc phối hợp thực hiện	Kế hoạch tổ chức thực hiện	Giai đoạn 2021 -2025
<b>II</b>	<b>Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giảm nghèo</b>				
1	Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp ban hành nghị quyết, chương trình hành động, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2025	Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Nghị quyết, Chương trình hành động; các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo bền vững	Giai đoạn 2021-2025
2	Xây dựng, xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo bền vững là trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của các cấp, các ngành, địa phương,	Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố	Sở Lao động - TB&XH	Các Nghị quyết, Chương trình hành động, Kế hoạch, dự án, đề án	Giai đoạn 2021 -2025
<b>III</b>	<b>Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo</b>				
1	Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động - TB&XH,	các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo	Giai đoạn 2021-2025,



2	Triển khai Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo	Sở Lao động - TB&XH	Hội LH phụ nữ, Hội nông dân, Tỉnh đoàn TN, Hội cựu chiến binh, UBND các huyện, thành phố	Mô hình, dự án giảm nghèo	Giai đoạn 2021 -2025
3	Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố	Các chính sách, dự án	Giai đoạn 2021 -2025
4	Hỗ trợ các mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh	Bộ CH Quân sự tỉnh, Bộ CH Biên phòng tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các huyện, thành phố	Mô hình, dự án giảm nghèo	Giai đoạn 2021 -2025
5	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo	Sở Y tế	UBND các huyện, thành phố	Chính sách, dự án được thực hiện	Giai đoạn 2021 -2025
6	Hoạt động tư vấn, kết nối, giới thiệu, hỗ trợ việc làm cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, khó khăn. Nâng cao hiệu quả hoạt động đưa người lao động ở các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Chương trình, dự án, đề án	Giai đoạn 2021 -2025
7	Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp...	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Cơ chế, chính sách được thực hiện	Giai đoạn 2021 -2025



8	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Cơ chế, chính sách được thực hiện	Giai đoạn 2021 -2025
9	Giảm nghèo về thông tin: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo giảm nghèo về thông tin; Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở...	Sở Thông tin và TT	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Cơ chế, chính sách được thực hiện	Giai đoạn 2021 -2025
10	Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Cơ chế, chính sách được thực hiện	Giai đoạn 2021 -2025
11	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp; Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Cơ chế, chính sách được thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật	Giai đoạn 2021 -2025
<b>IV</b>	<b>Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo</b>				
	Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, sinh kế, nâng cao thu nhập và hỗ trợ tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo; hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và ĐT, Sở Tài chính	Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Chương trình, kế hoạch, dự án, đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	Giai đoạn 2021-2025



V	<b>Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo</b>				
1	Kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý các Chương trình MTQG các cấp theo hướng tập trung, thống nhất đầu mối quản lý	Sở Kế hoạch và ĐT	Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia	Giai đoạn 2021 - 2025
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thành phố	Cơ sở dữ liệu về giảm nghèo	Giai đoạn 2022 -2025
3	Cung cấp thông tin, giúp người nghèo kết nối với thị trường lao động, thị trường hàng hoá	Sở Lao động - TB&XH, Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo kết nối với thị trường lao động, thị trường hàng hoá	Giai đoạn 2021-2025